TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Minh Thành

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Ngọc Quyền- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T**,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Phan Kiều D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số L đường AL/E, khóm B, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Con chung của anh T, chị D có Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2020 anh Ngô Văn T trình bày:

Vào năm 2012, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Phan Kiều D có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu cuộc sống gia đình cũng hạnh phúc nhưng do hoàn cảnh gia đình nên tháng 10 năm 2018 anh T về quê sinh sống cùng gia đình tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Anh T và chị D cũng đã ly thân với nhau từ thời gian này. Hiện tại anh và chị D mỗi người tự lo lấy cuộc sống của mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T muốn ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014, hiện con chung đang sống chung với chị D.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Ngô Văn T yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Phan Kiều D.

- Về con chung: Anh T đồng ý giao con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Ngô Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2021 bị đơn chị Phan Kiều D trình bày:

Chị D thống nhất với lời trình bày của anh Ngô Văn T về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và thời gian ly thân nhau. Chị D thừa nhận trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 hiện đang sống chung với chị D. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ngô Văn T.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Phan Kiều D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Văn T đồng ý giao con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Phan Kiều D tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án vị đề nghị: Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D.Về con chung: Chấp nhận cho chị D được nuôi dưỡng con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 và chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên anh T và chị D đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin thuận tình ly hôn, nghĩ việc xin thuận tình ly hôn của anh T và chị D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị D có 02 con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014, hiện đang sống chung với chị D. Anh T thống nhất giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với mẹ của cháu N và cháu A nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung tên Ngô Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và Ngô Kiều A, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Phan Kiều D tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngô Văn T và chị Phan Kiều D thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003108 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kiều Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Minh Thành - Thạch Thị Mỹ Kim **Lâm Thị Kiều Trang**